

Số: /TTr-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thông qua Nghị quyết quy định miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết quy định miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Phước, như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

Tại Công văn số 2221/BTC-CST ngày 10/3/2023 của Bộ Tài chính, quy định: “Hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến không thuộc đối tượng miễn, giảm phí, lệ phí theo quy định tại Điều 10 Luật Phí và lệ phí. Do đó, để khuyến khích hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến có thể quy định mức phí, lệ phí thấp hơn so với mức phí, lệ phí áp dụng đối với cung cấp dịch vụ công trực tiếp. Việc miễn, giảm phí, lệ phí phụ thuộc vào điều kiện thực tế của từng dịch vụ công cụ thể và thuộc thẩm quyền quy định của 04 cơ quan (Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh).”

Vì vậy, việc thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết quy định miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Phước là phù hợp và đúng thẩm quyền.

II. Mục đích, quan điểm chỉ đạo việc xây dựng dự thảo Nghị quyết.

Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Phước nhằm thực hiện Thông báo số 36/TB-VPCP ngày 19/02/2023 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà tại cuộc họp ngày 10/02/2023 và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh điện tử và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2023 và những năm tiếp theo.

III. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết.

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh góp ý. Căn cứ báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, văn bản góp ý của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Sở Tài chính hoàn thiện dự thảo Nghị quyết tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

IV. Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 03 Điều, nội dung cơ bản như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính nộp hồ sơ thông qua hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bình Phước.

b) Các cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến

1. Mức miễn, giảm

STT	Khoản phí, lệ phí	Mức miễn, giảm
I	Phí	
1	Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai	Giảm 20% mức thu quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND

		ngày 14/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh
2	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm và phí cung cấp thông tin	Giảm 50% mức thu quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh
II	Lệ phí	
1	Lệ phí đăng ký kinh doanh đối với hộ gia đình, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước	Giảm 50% mức thu quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh
2	Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất	Giảm 50% mức thu quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh
3	Lệ phí đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giảm 50% mức thu quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh
4	Lệ phí đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã	Miễn 100% mức thu quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh

2. Việc thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí nêu tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trong quá trình thực hiện việc thu phí, lệ phí theo quy định tại Nghị quyết này, trường hợp số tiền phí, lệ phí phải nộp là số tiền lẻ thì tổ chức thu phí tính tròn số theo nguyên tắc số tiền phí, lệ phí lẻ dưới 500 đồng thì tính tròn xuống 0 đồng, từ 500 đồng đến dưới 1.000 đồng thì tính tròn lên 1.000 đồng.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Thời gian áp dụng: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.



Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

(Có dự thảo Nghị quyết kèm theo).

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, KH&ĐT, TN&MT, TP;
- Cục Thuế;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Tuệ Hiền

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: /2023/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí
khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA X - KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và
lệ phí;
Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định
của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; được sửa đổi,
bổ sung tại Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021;
Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân
dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-KTNS ngày tháng năm 2023
của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
2. Đối tượng áp dụng
 - a) Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính nộp hồ sơ thông qua hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bình Phước.
 - b) Các cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến

1. Mức miễn, giảm

Stt	Nội dung	Mức miễn, giảm
I	Phí	
1	Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai	Giảm 20% mức thu quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh
2	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm và phí cung cấp thông tin	Giảm 50% mức thu quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh
II	Lệ phí	
1	Lệ phí đăng ký kinh doanh đối với hộ gia đình, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước	Giảm 50% mức thu quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh
2	Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất	Giảm 50% mức thu quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh
3	Lệ phí đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giảm 50% mức thu quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh
4	Lệ phí đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã	Miễn 100% mức thu quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh

2. Việc thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí nêu tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trong quá trình thực hiện việc thu phí, lệ phí theo quy định tại Nghị quyết này, trường hợp số tiền phí, lệ phí phải nộp là số tiền lẻ thì tổ chức thu phí tính tròn số theo nguyên tắc số tiền phí, lệ phí lẻ dưới 500 đồng thì tính tròn xuống 0 đồng, từ 500 đồng đến dưới 1.000 đồng thì tính tròn lên 1.000 đồng.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thời gian áp dụng: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ ... thông qua ngày...tháng ... năm...và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm .../.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, CP;
- VP QH, VPCP;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TT.TU, TT.HĐND;
- Đoàn ĐBQH, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm PVHCC (đăng công báo);
- LĐVP và các Ban của HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH